

Bản án số: 67/2022/HS-ST
Ngày 10/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Đỗ Hồng Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Cao Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2022/TLST-HS ngày 22/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HS ngày 29/7/2022 đối với bị cáo:

Tăng Văn H, sinh ngày 11/10/1995 tại xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tăng Văn L (sinh năm 1958) và bà Bùi Thị L1 (sinh năm 1960); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ 04/5/2022 đến ngày 10/5/2022 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T. *(Có mặt)*

*** Bị hại:** Ông Trần Quyết Th, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Đức Tr (tên gọi khác: Nguyễn Ngọc Ch), sinh năm 1956; Địa chỉ: Số nhà 228, đường L2, tổ 07, phường K1, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

- Anh Đỗ Văn V1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn T1, xã V2, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

- Ông Tăng Văn L, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 03/5/2022, Tăng Văn H đi bộ đến khu vực cổng bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình, rồi sau đó thuê xe ôm của ông Trần

Quyết Th để ông Th chở H về xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình, với giá tiền công là 250.000 đồng. Ông Th đồng ý, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Weal, màu nâu, biển kiểm soát 17B7 - 294.02 chở H về xã P. Khi đi đến khu vực xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của ông Th, bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. H đã chỉ dẫn cho ông Th đi vào khu vực đường đê nơi vắng người để dễ thực hiện hành vi. Khi đi đến ngôi nhà đang khóa cổng ở phía bên trái đường, thuộc thôn T2, xã P thì H bảo ông Th dừng xe và nói dối: “Đây là nhà cháu, bố mẹ cháu đều đã chết hết, chỉ còn cháu và anh trai đang đi giao hàng, đến khoảng 14 giờ anh trai cháu về mới có tiền để trả”. Tin lời H nên ông Th cùng H đứng đợi ở gốc cây bên cạnh bờ đầm gần đó để đợi người nhà về rồi sẽ trả tiền, khoảng 40 phút sau, quan sát xung quanh không có người qua lại, ông Th không để ý nên H từ phía sau tiến lại gần, dùng tay phải ôm ngang người, tay trái cầm tay trái của ông Th, rồi quật ngã xuống đường, hai bên giằng co nhau. H tiếp tục dùng tay phải đẩy ông Th ngã xuống phía bờ ao, rồi lên xe mô tô của ông Th, điều khiển bỏ chạy. Ông Th leo lên bờ, chạy đuổi theo và tri hô "Cướp, cướp" nhưng không đuổi kịp. Khi H điều khiển xe đi đến khu vực xã M, thành phố Thái Bình, thì dừng lại để kiểm tra, lục tìm tài sản. H phát hiện ở yếm xe bên phải có treo 01 túi nilon, bên trong có 01 chùm chìa khóa, 01 vỏ hộp đựng kính mắt bằng nhựa; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A22; ở yếm xe bên trái có treo 01 túi nilon, bên trong có một số túi thuốc tân dược; ở giỏ xe có để 01 chiếc áo mưa màu xanh đen. H tiếp tục điều khiển xe đến cửa hàng xe máy của Nguyễn Đức Tr (Nguyễn Ngọc Ch) thỏa thuận bán chiếc xe mô tô trên lấy số tiền 500.000 đồng, H nói với ông Tr chiếc xe là của bố H để lâu không ai đi, xe đã mất giấy tờ nên muốn bán. Tin lời H nên ông Tr đã đồng ý mua chiếc xe máy trên. Khi giao xe, H đã cầm chiếc điện thoại cất đi, rồi vớt 02 túi nilon bên trong đựng một số vật dụng vào trong xe đựng rác ở gần đó. H tiếp tục thuê xe ôm của người không quen biết đến cửa hàng điện thoại TP, tại số nhà số nhà 419, đường B, phường K1, thành phố Thái Bình, do anh Đỗ Văn V1 làm chủ, bán chiếc điện thoại Samsung A22 cho anh V1 lấy số tiền 1.900.000 đồng và nói nguồn gốc chiếc điện thoại là của H. Toàn bộ số tiền trên H đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi bị H cướp tài sản, ông Th đến Cơ quan điều tra Công an huyện T trình báo sự việc.

Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện T, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Weal, sơn màu nâu, gắn biển kiểm soát 17B7-294.02 (đã qua sử dụng), thời điểm định giá tháng 5/2022, có giá 1.550.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG A22, màu đen (đã qua sử dụng, mua từ tháng 4/2022), thời điểm định giá tháng 5/2022, trị giá 3.300.000 đồng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 70/CT-VKSTT ngày 21/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Tăng Văn H về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản

1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và diễn biến sự việc như đã nêu trên.

Bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và trình bày ông đã nhận lại toàn bộ các tài sản bị cáo H lấy, cũng đã được bồi thường 3.000.000 đồng, ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất kì khoản chi phí nào khác và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Tăng Văn L có đơn xin vắng mặt và không yêu cầu bị cáo H phải trả lại ông số tiền ông đã bồi thường thay bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tăng Văn H phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Tăng Văn H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 04/5/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 589, 590 Bộ luật dân sự công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc bị cáo bồi thường cho ông Th 3.000.000 đồng, bồi thường cho anh Đỗ Văn V1 1.900.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Đức Tr 500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái và rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có thể trở thành người công dân có ích với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của các Cơ quan tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường ngày, Các biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu ngày 03/5/2022; Bản kết luận định giá số 70/KL-ĐG ngày 09/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện T cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 03/5/2022, Tăng Văn H thuê xe ôm của ông Trần

Quyết Th đi từ bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình về xã P, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông Th nên đã chỉ dẫn cho ông Th đi vào khu vực đường đê vắng người. Khi đi đến thôn T2, xã P thì H chỉ vào một ngôi nhà cạnh bờ đê và nói rằng gia đình không có ai ở nhà. H bảo ông Th là đứng ở gốc cây bên cạnh bờ đê gần đó để đợi người nhà về rồi sẽ trả tiền. Lợi dụng lúc ông Th không để ý, Tăng Văn H từ phía sau tiến lại gần ôm và quật ngã ông Th xuống đường, ông Th chống cự thì bị H đẩy ngã xuống phía bờ ao và H chạy lại cướp lấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B7 - 294.02, trị giá 1.550.000 đồng và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Sam sung A22 trị giá 3.300.000 đồng và không trả cho ông Th số tiền 250.000 đồng như đã thỏa thuận rồi điều khiển xe bỏ chạy. Toàn bộ số tiền cướp được H đã chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Điều 168 Bộ luật Hình sự: "Tội cướp tài sản" quy định:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[3] Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng việc đưa bị cáo ra xét xử là đúng quy định của pháp luật, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe bị cáo và góp phần vào

công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Tuy nhiên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách khoan hồng của nhà nước ta.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 589, 590 Bộ luật dân sự công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc bị cáo bồi thường cho ông Th 3.000.000 đồng, bồi thường cho anh Đỗ Văn V1 1.900.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Đức Tr 500.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Weal, màu nâu, số máy 3FMHX0184725, số khung CHOOYAA83158, biển kiểm soát 17B7-294.02, xe đã qua sử dụng (do ông Nguyễn Đức Tr giao nộp); 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Sam sung A22, đã qua sử dụng do anh Đỗ Văn V1 giao nộp; 01 túi nilon màu đỏ, bên trong có 01 chùm chìa khóa, 01 vỏ hộp đựng kính mắt màu xanh; 01 túi nilon màu xanh, bên trong có một số túi thuốc tân dược; 01 chiếc áo mưa màu xanh đen, đều đã cũ, không có giá trị, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Quyết Th, ông Th có đơn đề nghị xin lại tài sản. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho ông Th quản lý là đúng quy định của pháp luật. Đối với 02 chiếc mũ bảo hiểm (đều đã cũ, không có giá trị) của ông Th, H làm rơi ở trên đường khi điều khiển xe bỏ chạy nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để truy tìm, quản lý vật chứng nên HĐXX không đặt ra giải quyết về xử lý vật chứng.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Đối với ông Nguyễn Đức Tr (Nguyễn Ngọc Ch) là người mua chiếc xe mô tô, anh Đỗ Văn V1 là người mua chiếc điện thoại do H mang đến bán. Kết quả điều tra xác định khi mua ông Tr, anh V1 đều không biết đó là tài sản do H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông Tr, anh V1 là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Tăng Văn H phạm tội "Cướp tài sản".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Tăng Văn H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 04/5/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 589, 590 Bộ luật dân sự công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc bị cáo bồi thường cho ông Th 3.000.000 đồng, bồi thường cho anh Đỗ Văn V1 1.900.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Đức Tr 500.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Tăng Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm .

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 10/8/2022. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hoặc nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Công an tỉnh Thái Bình (PC10);
- UBND xã D;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh